

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-GQXP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số: 1698/QĐ-XPHC ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính.

2. Lý do sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1698/QĐ-XPHC ngày 26 tháng 9 năm 2023:

Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1698/QĐ-XPHC ngày 26 tháng 9 năm 2023:

Bổ sung điểm c khoản 6 Điều 1 như sau: “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm với số tiền là 119.853.605 đồng.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Đoàn Thị Dinh là cá nhân có liên quan đến quyết định được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Bà Đoàn Thị Dinh có liên quan đến quyết định được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

b) Bà Đoàn Thị Dinh có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng Kế toán Nhà nước và phòng Kiểm soát chi thuộc Kho bạc Nhà nước Cao Bằng để thu tiền phạt (*tài khoản số 7111 thu ngân sách, Chương 605, mục 4250, tiểu mục 4261*).

3. Gửi cho Ủy ban nhân dân phường Sông Hiến 01 bản chính để chủ trì tổ chức thi hành Quyết định này.

4. Gửi cho phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố; Đội quản lý trật tự đô thị thành phố; Công an thành phố; Công an phường Sông Hiến; Tổ trưởng tổ dân phố 03, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng để biết và phối hợp thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP HĐND và UBND thành phố;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Phòng TNMT TP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hùng Vĩ

Quyết định đã giao trực tiếp cho bà Đoàn Thị Dinh có liên quan đến quyết định được sửa đổi, bổ sung vào hồi giờ..... phút, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BẢNG TÍNH SỐ LỢI BẤT HỢP PHÁP DO THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số **2367** /QĐ-SĐBSHB ngày **31** tháng **12** năm **2024** của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

1. Công thức tính toán: (theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và Điều 1, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ)

$$\begin{aligned} \text{Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm} &= \frac{\text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất (G2)} - \text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất (G1)}}{\text{Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất thuộc chế độ sử dụng có thời hạn; trường hợp thời hạn sử dụng đất lâu dài thì thời gian được tính là 70 năm}} \times \text{Số năm vi phạm} \\ G(1,2) &= \text{Diện tích đất vi phạm} \times \text{Giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định} \end{aligned}$$

2. Các giá trị cụ thể trong công thức:

- G2: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất = $271,4 \text{ m}^2 \times 3.642.000 \text{ đ/m}^2 = 988.438.800$ đồng (giá đất ở vị trí 1, đường loại VII = $3.642.000 \text{ đ/m}^2$, đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- G1: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất = $271,4 \text{ m}^2 \times 107.000 \text{ đ/m}^2 = 29.039.800$ đồng (giá đất bằng trồng cây hàng năm khác tại vùng 1: 107.000 đ/m^2 , đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- Tổng thời gian sử dụng đất: = 70 năm (vì đất sau khi chuyển mục đích là đất lâu dài)

- Số năm vi phạm được tính như sau:

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra sau ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành (ngày 25/12/2014) đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp trên có hành vi vi phạm từ năm 2012 (trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP)), thời gian vi phạm bắt đầu tính từ ngày 25/12/2014 đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 18/9/2023). Theo quy định tại khoản 9, Điều 7, Nghị định 91/2019/NĐ-CP thì số ngày lẻ được tính bằng 0,0028 năm.

$$\text{Số năm vi phạm} = 8 \text{ năm} + 266 \text{ ngày} = 8 + 266 \times 0,0028 = 8,7448 \text{ năm.}$$

3. Kết quả tính toán số lợi bất hợp pháp:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (đ)	=	$\frac{988.438.800 - 29.039.800}{70}$	x	8,7448	=	119.853.605 đồng
--	---	---------------------------------------	---	--------	---	-------------------------